

Mấy nét khái quát về tác gia Trịnh Doanh

Nguyễn Mạnh Hoàng^(*)

Tóm tắt: Dù là bậc quân vương luôn bận rộn chính sự và mãi mê chinh chiến để khẳng định quyền lực của dòng họ, nhưng chúa Trịnh Doanh (1720-1767) vẫn yêu thích và sáng tác nhiều thơ ca. Phần lớn các bài thơ của ông (khoảng 270 bài) được tập hợp trong cuốn “Càn Nguyên ngự chế thi tập”. Bài viết trình bày tình hình sưu tầm, phiên dịch văn bản và nghiên cứu thơ ca Trịnh Doanh cũng như nhận diện một số đặc điểm nội dung và hình thức nghệ thuật thơ Trịnh Doanh. Theo đó, bài viết khẳng định ông là một tác gia văn học tiêu biểu thời Lê - Trịnh (1545-1786).

Từ khóa: Văn học Việt Nam, Văn học trung đại, Càn Nguyên ngự chế thi tập, Trịnh Doanh, Thơ ca, Tác gia

Abstract: Despite a Lord who was occupied with politics and military activities to ensure Trinh family's power, Lord Trinh Doanh (1720-1767) yet devoted to poetry. Most of his about 270 poems were collected in a book titled “Can Nguyen ngu che thi tap”. The paper presents the process of collecting, translating/translitterating and studying Trinh Doanh's poetry as well as identifies some characteristics of its content and artistic form, acknowledging him as a typical literary writer in the Le-Trinh dynasty (1545-1786).

Keywords: Vietnamese Literature, Medieval Literature, Can Nguyen ngu che thi tap, Trinh Doanh, Poetry, Writer

1. Mở đầu

Trong sự phát triển văn học thời Lê - Trịnh, Trịnh Doanh để lại dấu ấn đậm nét với *Càn Nguyên ngự chế thi tập* - tập thơ chủ yếu được sáng tác bằng chữ Nôm. Ngoài ra, thơ ông còn được chép trong các sách *Lịch triều tạp kỷ*, *Đại Việt sử ký tục biên*... hay còn lưu dấu ở một số danh lam thắng cảnh, bia đá, biển gỗ,... Ông hiện diện trong lịch sử văn học dân tộc với tư cách một nhà thơ đáng chú ý. Thơ của

Trịnh Doanh mang phong cách cung đình, hoặc ca ngợi triều đại, công tích, ân huệ tri dân; hoặc vịnh cảnh sông núi, chùa miếu, thiên nhiên,... thể hiện niềm tự hào về văn vật quê hương, đất nước. Trong bài viết này, chúng tôi mong muốn cung cấp một cái nhìn bao quát về sự nghiệp thơ ca của Trịnh Doanh đặt trong bối cảnh văn học Việt Nam thế kỷ XVIII.

2. Tình hình sưu tầm, phiên dịch văn bản và nghiên cứu thơ ca Trịnh Doanh

2.1. Tình hình sưu tầm, phiên dịch văn bản

Sinh thời, do địa vị của Trịnh Doanh, thơ ca của ông được lưu giữ khá trọn vẹn,

^(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hoangnguyennh261280@gmail.com

nhưng chưa thành tập. Sau khi Trịnh Doanh qua đời, phần lớn thơ ca của ông đã được con trai ông là Trịnh Sâm sai văn thân Phan Lê Phiên thu chép, sắp xếp thành tập, đặt tên là *Càn Nguyên ngự chế thi tập*: “Thơ của Ân vương (Trịnh Doanh) [được] Tĩnh vương (Trịnh Sâm) sai Hàn lâm là Phan Lê Phiên biên sắp, chia từng việc từng loại, tất cả hơn hai trăm bài thơ. Lê Phiên dâng bài *Khải*...” (Phan Huy Chú, 2007: 475). Tập thơ được lưu truyền qua thế kỷ XIX (Phan Huy Chú đọc và sao lại bài *Khải*) và đến nửa đầu thế kỷ XX được đưa vào kho sách của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội.

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, trong các công trình thư mục, biên khảo, các nhà nghiên cứu ít nhiều có khảo sát, mô tả văn bản thơ Trịnh Doanh. Phạm Văn Diêu (1960: 627) cho biết: “Học viện Viễn Đông Bác cổ có *Càn Nguyên thi tập* của Ân vương Trịnh Doanh (Phan Lê Phiên viết bài *Khải*, Phan Huy Chú sao lại bài *Khải* trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Quyển 40), gồm “vừa thơ chữ Hán, vừa thơ chữ Nôm, bài nào cũng có lời dẫn ở trước”. Còn theo Trần Văn Giáp (1990: 103): “Hiện Thư viện Khoa học xã hội có hai bản chép tay sách *Kiến Nguyên ngự chế thi tập* (ký hiệu A1319; A921). Trong sách ấy, bài *Tiến thư khai* có chép đủ niên hiệu mà Phan Huy Chú không ghi là: Tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 31 (10 - 1770). Tập thơ này có cả thơ chữ Nôm và thơ chữ Hán, trước mỗi bài đều có lời chú dẫn”.

Một số nhà nghiên cứu đã tiến hành khảo sát, phiên âm, chú thích thơ Trịnh Doanh. Chẳng hạn, Bùi Duy Tân (1997: 116) đã phiên âm 19 bài thơ Nôm trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập*. Trương Đức Quả (2002) phát hiện 2 bài thơ Nôm của Trịnh Doanh được khắc trên tấm bia có tên *Chí mỹ bi ký* (ký hiệu 34174), đặt trong

Sinh từ họ Nguyễn (thuộc địa phận xã Phú Đa, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc) có niên đại tháng 8/1767. Đặc biệt, *Tổng tập văn học Nôm Việt Nam* (Tập 2) do Nguyễn Tá Nhí (chủ biên, 2008) đã phiên âm và giới thiệu đầy đủ *Càn Nguyên ngự chế thi tập* của Trịnh Doanh.

2.2. Tình hình nghiên cứu thơ ca Trịnh Doanh

Song song với quá trình sưu tầm, biên dịch, quá trình nghiên cứu thơ ca Trịnh Doanh cũng được tiến hành từ rất sớm. Ở thời trung đại, đã từng có một số nhận định về thơ văn Trịnh Doanh theo lối thẩm bình. Tiêu biểu là các ý kiến của: Lê Quý Đôn (1726-1784), Phan Lê Phiên (1735-1798), Phan Huy Chú (1782-1840),... Về cơ bản, trong khi bàn về sự nghiệp chúa Trịnh Doanh, họ đã đánh giá cao thơ ca của ông. Chẳng hạn, Phan Lê Phiên trong bài *Khải* dâng sách *Càn Nguyên ngự chế thi tập* ca tụng thơ chúa Trịnh Doanh: “Việc đều là tu tề trị bình, theo thói tốt của thời Tam Đại; lời đều hòa nhã trọng hậu, dựng nên tiêu chuẩn cho bách vương. Sang sảng như tiếng cung tiếng vũ chen nhau, lóng lánh như sao Khê sao Lâu cùng sáng. Thực là văn chương rực rỡ đáng theo, nên cơ nghiệp tổ tiên được thịnh...” (Theo: Trần Văn Giáp, 1990: 102). Phan Huy Chú (2007: 477) trong *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng luận bàn về thơ Trịnh Doanh: “Đến Ân vương [Trịnh Doanh] dụng công về việc làm thơ, làm đến mấy trăm bài, cũng đáng gọi là một vị chúa hiền thích văn. Nhưng tập thơ này đặt tên là *Càn Nguyên*, cũng là tiếm lạm quá, thế mà các từ thần, bảy giờ biên chép, lại tôn sùng rất mực, coi như thực là thiên tử rồi, sự thế bảy giờ như thế nên phải như thế, có gì lạ đâu”.

Tuy nhiên, gần như trong suốt thế kỷ XX, thơ ca Trịnh Doanh chưa được chú ý

hiều. Rải rác chỉ có một số công trình có tính chất thư mục học, hoặc lịch sử văn học nhắc đến thơ văn Trịnh Doanh với những đánh giá chung chung. Phải từ hai thập niên cuối của thế kỷ XX trở đi, thơ văn Trịnh Doanh mới được quan tâm tìm hiểu sâu hơn.

Trước hết, nghiên cứu của Phạm Tú Châu (1986: 38) cho thấy thơ Trịnh Doanh tuy chưa có nhiều bài trau chuốt nhưng “đã đặt được một số viên gạch trên con đường dẫn chữ Nôm đến giai đoạn rực rỡ ở triều đại sau đó. Do vậy, trong quá trình vun trồng chăm sóc cho ngôn ngữ và các thể văn thơ Nôm phát triển, hoàn thiện, Trịnh Doanh xứng đáng đứng vào hàng những tác gia có tên tuổi”.

Tiếp đó, Bùi Duy Tân (1997: 318) đánh giá thơ Nôm Trịnh Doanh bình dị, chân chất thường xoay quanh các chủ đề cảm hứng, đề vịnh, tu thân, tề gia, trị quốc. Còn theo Nguyễn Thị Lâm (2004: 26-32): *Cần Nguyên ngự chế thi tập* là một tài liệu quý để nghiên cứu chữ Nôm và lịch sử tiếng Việt. “Với số lượng 231 bài thơ chữ Nôm (chỉ sau *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi), *Cần Nguyên ngự chế thi tập* xứng đáng là một bằng chứng về sự phát triển và khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc ở thế kỷ XVIII”.

Thêm vào đó, Hoàng Thị Ngọc (2010: 318) khẳng định những đóng góp của Trịnh tộc trong lĩnh vực văn thơ Nôm Việt Nam thời trung đại: ba tập thơ Nôm *Khâm định thăng bình bách vịnh*, *Lê triều ngự chế quốc âm thi*, *Cần Nguyên ngự chế thi tập* và những bài thơ khác của chúa Trịnh Sâm đủ cho thấy các chúa Trịnh “là những tác gia văn học có vị trí xứng đáng trong nền văn học trung đại Việt Nam thế kỷ XVI - nửa đầu thế kỷ XVII”...

Từ các kết quả sưu tầm, phiên dịch, nghiên cứu kể trên, sự nghiệp văn học (chủ

yếu là thơ ca) của Trịnh Doanh ngày càng được nhận diện và đánh giá thỏa đáng hơn. Đây là cơ sở để chúng tôi tiếp tục tìm hiểu và giới thiệu về sự nghiệp thơ văn của ông.

3. Một số đặc điểm của thơ ca Trịnh Doanh

3.1. Đặc điểm nội dung

Có cảm hứng gần gũi và kế thừa *Hồng Đức quốc âm thi tập* thời Lê Thánh Tông, thơ ca Trịnh Doanh cũng lựa chọn một hệ thống đề tài, chủ đề đậm chất Nho giáo. Là nhà chính trị nắm thực quyền điều hành đất nước, muốn lợi dụng uy tín, kinh nghiệm chính trị của triều Lê sơ và muốn khôi phục thời hoàng kim Hồng Đức, chúa Trịnh Doanh muốn đề cao Nho giáo để duy trì trật tự xã hội; đồng thời cũng là để khẳng định, củng cố ngôi vị của mình và thu hút nhân tâm. Trong *Cần Nguyên ngự chế thi tập*, tư tưởng Nho giáo được thể hiện qua các khái niệm định tính như: *trung, hiếu, tiết, nghĩa, nhân, lễ, trí, tín, tam cương, ngũ thường, trung hậu, trinh chính, chí nhân, tam cương, ngũ thường, ngũ luân, thiên mệnh, trung dung, chí thiện*,..., trong đó “nghĩa”, “nhân”, “lễ”, “trí” rất được đề cao, bởi đó là một trong các mệnh đề cơ bản và là “hạt nhân” của tư tưởng Nho gia về mặt nhân sinh, xã hội. Ví dụ:

*Nghĩa, nhân, lễ, trí lấy làm đầu,
Chữ tín gồm hay mới mới màu.
Năm ấy ví chẳng khuy khuyết một,
Ắt là thành đức lợ tha cầu.*

(*Ban cung nhân*, bài 1)

Riêng chùm thơ *Vĩ trị chi đạo* (đạo trị nước) với 9 bài: *Đồ trị công, Cảnh phong hóa, Luận tài đức - bài 1, bài 2, bài 3, bài 4, bài 5, Luận tri nhân, Ổ gian nịnh*, Trịnh Doanh còn bày tỏ trực tiếp lý tưởng chính trị, đạo đức Nho giáo của mình. Trịnh Doanh thường nói về Vua Thành Thang, Vua Văn Vương hay Vua Nghiêu, Vua Thuấn, những vị vua được Nho giáo xem là mẫu mực của

bậc đế vương thánh minh, đức độ. Họ rất thương yêu nhân dân, trong thời trị vì của họ, nhân dân được no ấm, không có can qua, trật tự đạo đức tốt đẹp. Trịnh Doanh có hoài bão muốn xây dựng triều đại Lê - Trịnh với phương pháp tổ chức triều chính theo lẽ lối của các bậc đế vương thời thịnh trị cổ xưa.

Thơ Trịnh Doanh phần nhiều là thơ khuyến giới bề tôi với các chùm thơ: *Nhân sự chi huấn* (Nhân việc mà dạy bảo - 20 bài), *Khiển chúng tướng vu chinh* (Sai các tướng đi đánh trận - 40 bài), *Mệnh chư hầu xuất trấn* (Sai các quan đi nhận chức - 11 bài), *Tướng dụ đại thần* (Khen, dụ đại thần - 21 bài), *Tướng lạo sứ thần* (Úy lạo sứ thần - 10 bài), v.v... Đó là các bài thơ Trịnh Doanh viết để động viên các tướng đi chinh chiến như Bính Quận công, Điều Quận công, Vệ Vũ hầu, Bàn Thạch hầu, Kiên Quận công, Tuân Quận công, Đôn Lăng hầu, Khuông Quận công, Bích Quận công, Miên Quận công, Đông Lăng hầu, Nguyễn Huy Nhuận, Cần Quận công...; hoặc ban cho các quan đi nhận nhiệm vụ ở xa kinh thành như Nguyễn Công Thê, Trình Quận công, Lê Phương hầu; hay ban khen các viên đại thần có nhiều công lao như Siêu Quận công, Cỗ Quận công, Phấn Quận công, Vực Quận công...; ban tặng các sứ thần như Nguyễn Kiều, Nguyễn Tông Khuê, Vũ Khâm Lân, Nguyễn Huy Oánh, v.v... Lời thơ thường tha thiết, vỗ về, ân cần động viên họ hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, quân sự của triều đình. Chẳng hạn, Trịnh Doanh từng khuyến tài văn võ dẹp loạn của Điều Quận công:

*Dùng mưu gồm có giống con tông,
Nhưng mạc cân bao kẻ xiết công.
Liệu địch đã nên tài Lý tướng,
Cư nhân càng nhiệm chức Khương công.*
(*Ban Điều Quận công*)

Những bài thơ khuyến giới bề tôi như trên có lẽ được Trịnh Doanh sáng tác trong những tình huống, hoàn cảnh chính trị quân sự cụ thể. Chùm thơ *Cật nhung chi pháp* (Phép luyện quân - 12 bài) của Trịnh Doanh còn sử dụng cách nói châm biếm để khuyên răn, chỉ bảo tướng sĩ trong luyện tập quân sự, khích lệ họ hăng hái luyện tập để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Qua hình thức châm biếm, chúa Trịnh còn chỉ bảo, uốn nắn những sai sót trong thao luyện của tướng sĩ. Ví dụ:

*Quân gian bỗng lại đổ người gian,
Phép tắc nơi đâu để nó lờn (nhờn).
Điển có chữ rằng uy khắc ái,
Phải tua thế lấy mới là quan.*
(*Trào quân binh quan
bất năng huấn tề*)

Hay:

*Trong khi ứng biến có kỳ quan,
Cử chỉ tùy nghi lộ phải bàn.
Chấp nê đã khỏe dần và độn,
Khôn ngoan thành thực mới là khôn ngoan.*
(*Trào binh phiên phát hiệu*)

Chúa Trịnh cũng làm thơ khuyên nhủ những thê thiếp, cung tần mỹ nữ hay các gia nhân trong phủ, trong cung, bảo ban họ sống hòa thuận, tình cảm, nề nếp và giữ tròn bổn phận. Tiêu biểu như các bài *Ban Chính cung*, *Ban Bắc cung*, *Ban Nam cung*, *Ban đệ nhị quận chúa hồi môn*, *Úy cung nhân an phận*,... thể hiện rất rõ nội dung này:

- *Chưa kịp tuyên ngôn đã gác ngoài,
Há rằng bí thử bỗng đông dài.
Hơn chẳng chút phận đành an phận,
Nhất thị tình cờ uẩn (vẫn) chẳng sai.*
(*Úy cung nhân an phận*)

- *Cảnh dài lâu lâu hướng nhật trung,
Trùng tân nền cũ chính kỳ cung.
Tung dung lần ngời câu hòa khí,
Ngũ phúc đều gồm tại đức trung.*
(*Ban cung nhân hồi tân gia*)

Có thể nói, thơ Trịnh Doanh mang đậm sắc thái văn hóa cung đình. Nội dung tư tưởng thường tập trung vào các vấn đề như: Quan niệm tu thân, tề gia, trị nước; tam cương ngũ thường; giáo huấn, khuyến khích bề tôi lương đồng, v.v... Những vấn đề đó phản ánh hoàn cảnh lịch sử chính trị, văn hóa cụ thể của nước Việt thời Lê - Trịnh.

Tuy nhiên, trong *Càn Nguyên ngự chế thi tập* cũng có những bài thơ trữ tình - chủ yếu là loại thơ trữ tình phong cảnh như các chùm thơ: *Đông chinh kỷ thắng* (Vịnh thắng cảnh miền Đông - 3 bài), *Tĩnh phương kỷ thắng* (Vịnh phong cảnh các nơi - 14 bài), *Kỳ điện kỷ thắng* (Vịnh phong cảnh kinh thành - 4 bài),... Thơ ca Trịnh Doanh viết về thiên nhiên phong cảnh mang tính hoài cổ, ngợi ca cảnh sông núi, chùa miếu, thiên nhiên... thể hiện cái thú thưởng ngoạn của bậc quân vương. Ví dụ:

*Một đỉnh anh bài khéo tự nhiên,
Cảnh này âu nhất cảnh Nam thiên.
Mấy trùng ngọc đúc thông tòa bảo,
Đồi ngọc mây giăng triếp động tiên.
(Vịnh Dịch Lộng phong cảnh)*

Bên cạnh đó, thơ Trịnh Doanh cũng có một số bài thể hiện cảm hứng đời tư. Đó là những thổ lộ tâm tình chân thật hay những khoảnh khắc tâm trạng, hoàn cảnh riêng tư như chùm thơ *Ký hứng* (Ngự hứng - 8 bài): *Thưởng xuân cảnh, Đối nguyệt ngẫu thành, Thưởng nghênh xuân viện* (bài 1, bài 2), *Thưởng cung nhân dầu hương vị, Dữ cung nhân đồ tình vũ, Dữ cung nhân đồ tình vũ, Dữ cung nhân đồ tình vũ phương hoàn hốt giáng cam vũ*. Có bài nghe như những lời tâm tình, thủ thi khá mộc mạc, gần gũi:

*Xem ý trời đà ấy dực tình,
Ngại vì mưa lớn mới thanh minh.
Sương nghiêm và có chiều êm tĩnh,*

Ai quyết nên thì mới kể rành.

(Dữ cung nhân đồ tình vũ)

*Bông đầu dẫu dỗi tiếng xa vang,
Như cây làng mưa thách ngỏ ngang.
Hai lẽ nan thâm khôn khó nhẽ,
Tri cơ thì mới xứng tài lương.*

*(Dữ cung nhân đồ tình vũ
hốt văn hà mô thanh)*

Những bài thơ mộc mạc, tình tứ như thế không phải là nhiều trong thơ ca Việt Nam trung đại, nhất là thơ của các bậc vua chúa.

3.2. Đặc điểm hình thức nghệ thuật

Thơ Trịnh Doanh chủ yếu là thể thơ Nôm Đường luật (tức loại thơ viết bằng chữ Nôm theo luật Đường và những biến thể của nó). *Càn Nguyên ngự chế thi tập* có tới 231 bài thơ Nôm Đường luật, trong đó có 13 bài thất ngôn xen lục ngôn, 1 bài thất ngôn xen ngũ ngôn. Việc sáng tác thơ Nôm Đường luật thất ngôn xen lục ngôn của Trịnh Doanh cũng là một hiện tượng độc đáo làm nên bản sắc thơ Nôm Đường luật thế kỷ XV-XVIII. Về mặt hiệu quả thẩm mỹ, sự xuất hiện các câu lục ngôn trong các bài thơ thất ngôn này cũng có ý nghĩa nhất định, nó tạo nên âm điệu, nhịp điệu (cộng cách ngắt nhịp đều 2/2/2 hay 3/3) chắc chắn, mạnh mẽ, đều đặn hơn cho câu thơ, tạo ấn tượng “khẩu ngữ” của nó và qua đó thấy được giọng điệu riêng mà tác giả muốn nhấn mạnh, đặc biệt khi các câu này đặt ở đầu hoặc cuối bài thơ. Chẳng hạn như:

*Nhất Ninh Sơn/ nhị Phụng Sơn,
Trà khoái lạc/ hãn còn hơn.
Bảo Khánh lại đành trống thượng phẩm,
Chín cam mùi ấy thuở nào sòn.*

(Bình trà phẩm)

Hai câu lục đầu bài tạo nên sự liệt kê cân đối, dứt khoát về các loại trà và phẩm chất của nó. Còn hai câu lục ngôn đầu và cuối bài thơ sau lại tạo nên một lời khẳng định thật chắc chắn, ngang tàng, nhất quán:

*Mặc chiều/ mặc sáng/ mà nghe,
Mỗi tốt ngồi câu vẹn mọi bề.
Cười kẻ dở mỗi nhà phieu mẫu,
Sao bằng/ lộc nước/ đầy khe.*

(Tá điều ngụ cảnh từ)

Cũng có trường hợp Trịnh Doanh kết hợp câu thất ngôn và ngũ ngôn trong bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

*Trần an thế đất vững bên trời,
Nhân trí nơi nơi triếp mọi nơi.
Trâm kết biên xanh gài trước đỉnh,
Là giảng đại ngọc diễn ngoài nhuần.
Một bầu thế giới còn đường vẽ,
Tám bức phong quang đã khác vơi.
Điểm được Nam thiên danh đệ nhất,
Tạo thành chín nhiệm bài.*

(Vịnh Dục Thúy phong cảnh)

Câu thơ ngũ ngôn tạo nên hiệu quả lạ khi được để ở dòng cuối bài thơ. Đây là một hiện tượng độc đáo, tạo nên dấu ấn riêng về sự phá cách cho thơ Nôm Trịnh Doanh.

Về cách gieo vần và hài thanh, nhìn chung thơ Nôm Trịnh Doanh tuân thủ cách gieo vần, hài thanh truyền thống của thơ Đường luật nói chung và thơ Nôm Đường luật nói riêng. Điều đáng chú ý là ở thơ Nôm Trịnh Doanh, có bài phá vỡ vận luật và niêm luật dẫn đến hiện tượng “khô độc”:

*Nhất bộ rành rành lại thập thành,
Ở cho thực mặc ấy là ngoan.
Đầy vơi chớ chớ chiều lòng thế,
Thì mới nên danh giá tao đàn.*

(Ban Cung nhân, bài 7)

Đặc biệt, có một số bài thơ bát cú gieo vần bằng việc lặp lại 5 lần đúng một chữ làm vần cho cả bài:

*- Đức thời là ngọn cội là tài,
Tài đức gồm hai mới đáng tài.
Đức thắng hãy gìn quân tử đức,
Tài ưu bao sá tiểu nhân tài.
Tài là hoa gấm phô nền đức,
Đức có thơm danh tỏ chữ tài.*

*Uóm nhắc cân xưng tài miễn đức,
Trộn tài vẹn đức thánh nhân tài.*

(Luận tài đức, bài 1)

Sự lặp lại chữ “tài” ở vần (bên cạnh chữ “đức” trong bài) như một cách để nhấn mạnh mối quan hệ khăng khít giữa hai cặp khái niệm này. Chúng tôi chưa rõ có thể xếp kiểu gieo vần độc đáo này vào kiểu loại nào trong thi luật; có lẽ đây là một cách “chơi” thơ độc đáo trên thi đàn cung đình thời bấy giờ. Nhưng như đã đề cập, đó không chỉ thuần túy là trò chơi hình thức, mà dụng ý nhấn mạnh là khá rõ trong những bài như thế.

Khi sáng tác thơ Đường luật, Trịnh Doanh đã có những sáng tạo, phá cách nhất định để khiến thơ Đường luật phù hợp hơn với ngữ âm, ngữ pháp tiếng Việt hoặc tạo ra một phong cách thơ khác đôi chút với phong cách thơ Đường luật truyền thống. Có thể thấy rõ một điều là, nhịp điệu, hài thanh trong các bài thơ Nôm Trịnh Doanh cũng “nôm na” hơn các bài thơ Đường luật chuẩn mực.

Về cách ngắt nhịp, đa số các bài thơ Nôm Đường luật thất ngôn của Trịnh Doanh tuân thủ cách ngắt nhịp của thơ Đường (nhịp cơ bản là 4/3 hoặc biến thể là 2/2/3; 2/2/2/1). Nhưng một số bài thơ Nôm Đường luật của Trịnh Doanh có hiện tượng ngắt nhịp độc đáo: nhịp 3/4 và các biến thể của nó. Chẳng hạn:

*Cù một thi/ còn in về ngọc,
Kê Minh thiên/ hãy tạc phen vàng.*

(Ban Chính cung)

*Thú thanh nhàn/ đã đòi ngày trái,
Nghĩa dẫu yêu/ chi mỗ khắc quên.*

(Ban Luân công trí sĩ, bài 3)

v.v...

Hiện tượng ngắt nhịp này cũng được xem là một nỗ lực “Việt hóa” thơ Đường luật để xây dựng “lối thơ Việt Nam” hay

“thi pháp Việt Nam” vì cách ngắt nhịp 3/4 phổ biến hơn trong các thể văn vần Việt Nam (tục ngữ, song thất lục bát, thơ hát nói,...). Cách ngắt nhịp 3/4 này khiến người đọc có cảm giác câu thơ có hình ảnh của câu văn xuôi, mang tính tự sự hơn là câu thơ, mang tính khẩu ngữ hơn văn viết, vì thế mà gia tăng tính triết lý, tính mệnh đề cho câu thơ và tạo ra cảm giác tinh táo (chứ không du dương, êm ru) cho người đọc.

Ngoài thơ Nôm Đường luật, Trịnh Doanh còn viết thể song thất lục bát và lục bát. Nói đến thể thơ song thất lục bát, giới nghiên cứu thường chỉ đề cập đến những tác phẩm lâu nay đã quen thuộc như: *Đại nghĩa bát giáp giải thưởng hát ả đào văn* (cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI của Lê Đức Mao), *Tứ thời khúc vịnh* (thế kỷ XVII của Hoàng Sĩ Khải), *Thiên Nam minh giám* (Khuyết danh, 336 dòng), *Chinh phụ ngâm khúc* (bản diễn Nôm hiện hành, thế kỷ XVIII - XIX của Đoàn Thị Điểm hoặc Phan Huy Ích), *Cung oán ngâm khúc* (cuối thế kỷ XVIII của Nguyễn Gia Thiệu), v.v... Những tác phẩm này ít nhiều tạo nên một dòng chảy liên tục của thể thơ này. Sự hiện diện tác phẩm song thất lục bát *Khánh thưởng chư vương tôn thị tiền* (gồm 18 dòng) của Trịnh Doanh đã bổ sung vào dòng chảy đó và khiến nó trở nên rõ ràng, sinh động hơn. Cụ thể là, tác phẩm của Trịnh Doanh góp phần làm rõ hơn giai đoạn phát triển đầu và giữa của thể thơ này, thể hiện ở: sự hiệp vần, cách ngắt nhịp, cách phối thanh của nó còn chưa thực sự ổn định; sự tương hợp giữa hình thức và nội dung cũng còn “có vấn đề”. Nhưng đây là những thể nghiệm quan trọng để thể thơ này nhanh chóng đi vào ổn định và đạt những thành tựu rực rỡ mà tiêu biểu nhất là những khúc ngâm,

văn ở thế kỷ XVIII-XIX. *Khánh thưởng chư vương tôn thị tiền* (gồm 18 dòng) của Trịnh Doanh có 2/4 dòng thất trên tiếng thứ 3 là thanh bằng và 2/4 dòng thất trên dòng thanh trắc (tỷ lệ là 50/50). Các tiếng còn lại ở dòng thất dưới và các dòng lục bát đặt như trong thi luật truyền thống. Về gieo vần, cũng có 2/4 trường hợp tiếng thứ 8 dòng bát hiệp với tiếng thứ 3 dòng thất; 2/4 trường hợp tiếng thứ 8 dòng bát hiệp với tiếng thứ 5 dòng thất. Các tiếng thứ 7 dòng thất trên đều hiệp với tiếng thứ 5 dòng thất dưới như thi luật truyền thống. Như vậy, có thể thấy, thể song thất lục bát ở bài thơ này đang nằm ở vị trí trung gian giữa giai đoạn khởi đầu và giai đoạn đi vào ổn định, chặt chẽ, nhưng có xu hướng thiên về sự ổn định, chặt chẽ:

Vuốn vện mười nền nhân cây đức,

Dưới trên đều phần sức trị công.

Quân minh vì có thần trung,

Gây nên thái vận ngoài trong phi nguyên.

Thối nhân hậu noi nền tiên triết,

Cho vầy nên thời tiết thái hanh.

Trải xem đã mấy kỷ canh,

Bì chừ đem lại thần kinh vện toàn.

(*Khánh thưởng chư vương tôn thị tiền*)

Bên cạnh đó, đứng về phương diện thể loại, tác phẩm song thất lục bát của Trịnh Doanh còn đóng góp vào quá trình hình thành, phát triển, định hình thể “ngâm khúc”. Theo các nhà nghiên cứu, “ngâm khúc” giai đoạn đầu (nếu có thể tạm gọi như vậy) với tính chất tụng ca chưa tìm được đặc trưng thể loại của nó, nhưng đây là giai đoạn thể nghiệm để sau đó ngâm khúc chuyển sang nội dung sở trường của nó là tính chất than vãn, tự tình, ai oán. Các bài thơ của Trịnh Doanh (thiên về ca tụng đời sống thái bình thịnh trị, ca tụng công đức) ứng hợp vào giai đoạn đầu của thể loại này.

Trịnh Doanh ít sáng tác bằng thể lục bát thuần túy (tức không tính đến việc lục bát xuất hiện trong các tác phẩm song thất lục bát). Có hai bài trong tập *Càn Nguyên ngự chế thi tập* là *Chinh nghi dụng pháp* (2 câu), *Đấu trạo thức* (4 câu) được viết theo thể này. Có thể thấy, Trịnh Doanh đã viết thơ lục bát rất thành thực, trau chuốt, mượt mà chứ không trúc trắc như giai đoạn đầu của thể loại. Có thể kể ra một số ví dụ:

*Mưa hòa gió thuy tiếng kim,
Trời thanh tiếng thổ, trời êm tiếng bâng.
(Chinh nghi dụng)*

*Đưa vai đưa cánh thực thà,
Về là về điệu, ấy là sức hay.*

(Đấu trạo thức)

Như vậy, dù không có quá nhiều đóng góp cho thể thơ này, Trịnh Doanh vẫn là người góp phần đưa thể thơ lục bát vào thực tiễn sáng tác, tỏ ra là người nắm vững thi luật thể thơ và dùng nó khá đặc dụng trong sáng tạo thơ ca Nôm.

4. Kết luận

Trịnh Doanh có đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của thơ ca dân tộc, nhất là khi được sáng tác chủ yếu bằng chữ Nôm - loại văn tự mang đậm bản sắc dân tộc. Như thế, rất cần phải đánh giá lại, đánh giá thêm vị trí của ông trong lịch sử văn học dân tộc. Đặc biệt, *hiện tượng thơ Nôm Trịnh Doanh* là minh chứng sinh động cho quan điểm: vua chúa phong kiến Việt Nam thời trung đại cũng rất ý thức đề cao việc sáng tác, phổ biến văn học viết bằng chữ Nôm; đồng thời tự thân chữ Nôm cũng chứng tỏ được vị thế cung đình, chính thức tham gia

vào hoạt động văn nghệ chính thống quan phương trong triều đình phong kiến Đại Việt thời Lê - Trịnh □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Tú Châu (1986), “Trịnh Doanh và *Càn Nguyên thi tập*”, Tạp chí *Văn học*, số 2, tr. 31-38.
2. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2 (Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Phạm Văn Diêu (1960), *Văn học Việt Nam - văn học sử, giảng văn*, Nxb. Tân Việt, Sài Gòn.
4. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học sử học Việt Nam*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Lâm (2004), “Tác giả Trịnh Doanh và *Càn Nguyên ngự chế thi tập*”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 5, tr. 26-32.
6. Hoàng Thị Ngọc (2010), “Họ Trịnh với văn học Nôm”, trong: *Chúa Trịnh Cương - cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 312-325.
7. Nguyễn Tá Nhí (chủ biên, 2008), *Tổng tập văn học Nôm*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trương Đức Quả (2002), “Về hai bài thơ Nôm thời Lê khắc trên bia đá”, *Thông báo Hán Nôm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 67-71.
9. Bùi Duy Tân (chủ biên, 1997), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 7, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.